TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁP MƯỜI** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 09-6-2023
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI, TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Lê Văn Ngọc.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Ánh.
2. Ông Trần Văn Truyện.
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Hồ Tấn Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 09 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 164/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2023 về việc: *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị XE E, sinh năm 1970.
Địa chỉ: ấp Mỹ Nam 2, xã Mỹ Quí, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.
- Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1970.
Địa chỉ: ấp Mỹ Nam 2, xã Mỹ Quí, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm chị Nguyễn Thị XE E là nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Vợ chồng chung sống với nhau vào năm 1990 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ Quí, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian sau này phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do anh T ăn nhậu say sỉn về chửi mắng, đánh đập chị E. Chị E đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh T không thay đổi. Hiện nay mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể nào tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân này nên nay chị Nguyễn Thị XE E yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn T.

- Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung tên Lê Thị Trúc Lý, sinh năm 1991; Lê Thành Tâm, sinh năm 1993; Lê Thành Lắm, sinh năm 1995, Lê Thị Trúc Giang, sinh năm 1998. Các con chung đã T thành, tự lao động được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản hòa giải ngày 18/5/2023 và tại phiên tòa hôm nay, anh Lê Văn T là bị đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Anh T thừa nhận lời trình bày của chị XE E về thời gian kết hôn, cũng như mâu thuẫn vợ chồng là đúng và vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Quí vào năm 2002. Trước đây anh đi làm ở thành phố Hồ Chí Minh, trong thời gian đó anh có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác làm cho gia đình mâu thuẫn nhưng anh T đã từ bỏ mối quan hệ tình cảm đó mấy năm nay, anh T không còn liên lạc với người phụ nữ đó nữa. Trong cuộc sống hằng ngày anh T cũng có nhậu nhẹt với bạn bè rồi xảy ra mâu thuẫn, cự cãi, đánh đập chị XE E làm cho cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Anh T đã nhận thấy lỗi lầm của mình, việc ăn nhậu, đánh đập chị XE E là không đúng nên anh T cam kết thay đổi, không đánh đập chị XE E nữa và mong muốn hàng gắn tình cảm vợ chồng vì anh T còn thương vợ thương con nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị XE E.

- Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung tên Lê Thị Trúc Lý, sinh năm 1991; Lê Thành Tâm, sinh năm 1993; Lê Thành Lắm, sinh năm 1995, Lê Thị Trúc Giang, sinh năm 1998. Các con chung đã T thành, tự lao động được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm:

+ Giấy CCCD chị Nguyễn Thị XE E (bản photo).

+ Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính).

+ Giấy khai sinh con chung (bản sao).

Các đương sự thống nhất các tài liệu trong hồ sơ là đúng theo biên bản phiên họp tiếp cận và công khai chứng cứ ngày 18/5/2023.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị XE E có đơn yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn T. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn"*.

Anh Lê Văn T là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ ở ấp Mỹ Nam 2, xã Mỹ Quí, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản

1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị XE E và anh T chung sống với nhau vào năm 1990 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Quí, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp vào năm 2002, do đó hôn nhân giữa chị XE E và anh T là hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian sau này phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do anh T ăn nhậu say sỉn về chửi mắng, đánh đập chị XE E. Chị XE E đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh T không thay đổi. Hiện nay mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể nào tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân này nên chị Nguyễn Thị XE E yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn T.

Anh T thừa nhận lời trình bày của chị XE E về thời gian kết hôn cũng như mâu thuẫn vợ chồng là đúng. Trong cuộc sống hằng ngày anh T cũng có nhậu nhẹt với bạn bè rồi xảy ra mâu thuẫn, cự cãi, đánh đập chị XE E làm cho cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Anh T đã nhận thấy lỗi lầm của mình, việc ăn nhậu, đánh đập chị XE E là không đúng nên anh T cam kết thay đổi, không đánh đập chị XE E nữa và mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng vì anh T còn thương vợ thương con nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị XE E. Tuy anh T không đồng ý ly hôn nhưng do chị XE E đã không còn tình cảm, không muốn tiếp tục chung sống với anh T mà nhất quyết ly hôn, do đó anh T cũng không có biện pháp nào khác để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Từ những căn cứ nêu trên đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa chị XE E và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị XE E.

- Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung tên Lê Thị Trúc Lý, sinh năm 1991; Lê Thành Tâm, sinh năm 1993; Lê Thành Lắm, sinh năm 1995, Lê Thị Trúc Giang, sinh năm 1998. Các con chung đã T thành, tự lao động được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xE xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xE xét giải quyết.

** Về trách nhiệm chịu án phí:*

Chị Nguyễn Thị XE E phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị XE E.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị XE E được ly hôn với anh Lê Văn T.

- Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung tên Lê Thị Trúc Lý, sinh năm 1991; Lê Thành Tâm, sinh năm 1993; Lê Thành Lắm, sinh năm 1995, Lê Thị Trúc Giang, sinh năm 1998. Các con chung đã T thành, tự lao động được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị XE E phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002314 ngày 21 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười. Như vậy tiền án phí đương sự đã nộp xong.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS HTM;
- Toà án Tỉnh;
- UBND xã Mỹ Quí;
- Lưu: Hồ sơ vụ án (Đ).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)

Lê Văn Ngọc